

Bản án số: 98/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 27-9-2021  
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Trang

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hồ Văn Tài
2. Bà Trần Thị Kim Tân

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Ngô Thị Châu Loan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* bà Nguyễn Thị Kim Huệ- Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 257/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2021 về việc “ Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 90/2021/QĐST-HNGĐ ngày 07/9/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Điều C**, Sinh năm 1985, vắng mặt.

Địa chỉ: tổ 6, ấp R, xã B, Thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Chị **Trần Thị L**, Sinh năm 1970, vắng mặt.

Địa chỉ: ấp T, xã X, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 12/4/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Điều C trình bày: Trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu anh và chị Trần Thị L chung sống và đăng ký kết hôn vào năm 2019 tại xã B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường phát sinh mâu

thuần, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, vợ chồng không L chung sống với nhau từ tháng 9/2019 đến nay, từ khi không L chung sống với nhau, anh chỉ không L quan tâm chăm sóc cho nhau nữa, nay anh C không L tình cảm với chị L nên yêu cầu ly hôn với chị L.

Về con chung: Không có; Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: không có

\* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Trần Thị L trình bày: Chị L thống nhất với lời trình bày của anh C về điều kiện kết hôn, diễn biến cuộc hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung.

Nay anh Điều C yêu cầu ly hôn với chị, chị không đồng ý ly hôn với anh C nhưng cũng không yêu cầu đoàn tụ vợ chồng, chị yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật và chị có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

Về con chung: Không có; tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết; nợ chung: không có

Ý kiến của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, L bị đơn không chấp hành đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh Điều C được ly hôn với chị Trần Thị L. Con chung, tài sản chung, nợ chung không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1] Về Thủ tục tố tụng: Anh Điều C và chị Trần Thị L có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt; Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Điều C và chị Trần Thị L theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: anh Điều C và chị Trần Thị L tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn vào năm 2019 tại Ủy ban nhân dân xã B, thị xã L, Đồng Nai. Hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu của đương sự nhận thấy: anh C yêu cầu ly hôn và chị L không đồng ý ly hôn, tuy nhiên anh chị đều thừa nhận không L chung sống với nhau từ năm 2019 đến nay và chị L không muốn hàn gắn vợ chồng. Như vậy, chứng tỏ mâu thuẫn của anh C và chị L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận cho anh C được ly hôn với chị L là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Không có nên không giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: không giải quyết

[6] Nhận định của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận

[7] Về án phí: Anh Điều C phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 56 và Điều 131 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

#### ***Tuyên xử:***

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Điều C được ly hôn với chị Trần Thị L.

2. Về con chung: Không có

3. Về tài sản chung và nợ chung: không giải quyết

4. Về án phí: Anh Điều C phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí anh Điều C đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc theo biên lai thu số 0004947 ngày 12/4/2021 được tính trừ vào án phí.

Anh Điều C, chị Trần Thị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H.Xuân Lộc;
- CCTHADS H.Xuân Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Trang**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- Chi cục THADS huyện Xuân Lộc;
- UBND xã Xuân Trường;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Trang**

